

## ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 5

## MÔN: TIẾNG ANH 12 CHƯƠNG TRÌNH MỚI



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1. F	5. F	9. A	13. B	17. A	21. technologically	25. A	29. D	33. D
2. T	6. F	10. B	14. C	18. A	22. Researchers	26. C	30. C	34. D
3. T	7. B	11. C	15. D	19. C	23. B	27. A	31. B	35. D
4. F	8. D	12. C	16. B	20. intervention	24. A	28. A	32. C	36. C

37. Her voice is so soft that everyone likes her.

38. James hadn't won the lottery, he would need a job now.

39. his brother for taking his bike without asking him first.

40. the apartment is, the higher the rent is.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. F

**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:** Người đàn ông lo lắng khi con trai mua máy tính.**Thông tin:** Well, I wasn't worried when my son bought a computer.**Tạm dịch:** Ừm, tôi đã không lo lắng khi con trai tôi mua một cái máy vi tính.

Đáp án: F

## 2. T

**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:** Người đàn ông trở nên lo lắng khi thư ký yêu cầu anh ta mua máy tính.**Thông tin:** But when my secretary asked me for a computer in the office, I really became worried.**Tạm dịch:** Nhưng khi thư ký của tôi hỏi về việc có một máy tính trong văn phòng, tôi thực sự trở nên lo lắng.

Đáp án: T

## 3. T

**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:** Người đàn ông quyết định học một số bài học về máy tính.**Thông tin:** So I decided to take some lessons in computing and my son became my teacher.**Tạm dịch:** Vì vậy, tôi quyết định học một số bài học về máy tính và con trai tôi trở thành giáo viên của tôi.

Đáp án: T

## 4. F

**Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:** Con trai ông không hiểu gì về máy tính.

**Thông tin:** So I decided to take some lessons in computing and my son became my teacher.

**Tạm dịch:** Vì vậy, tôi quyết định học một số bài học về máy tính và con trai tôi trở thành giáo viên của tôi.

Đáp án: F

### 5. F

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Người đàn ông hiểu rất rõ bài học.

**Thông tin:** From that moment my memory refused to learn because he told me a lot of things that I really didn't understand at all.

**Tạm dịch:** Từ lúc đó trí nhớ của tôi từ chối học vì thằng bé nói với tôi rất nhiều điều mà tôi thực sự không hiểu chút nào.

Đáp án: F

### 6. F

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Người đàn ông tiếp tục học cách sử dụng máy tính sau một vài bài học.

**Thông tin:** After a few lessons I began to feel tired. I made an excuse, saying that I was having a headache. I suggested we should leave the lesson until another day.

**Tạm dịch:** Sau một vài bài học, tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi. Tôi đã tạo ra một cái cớ, nói rằng tôi đang bị đau đầu. Tôi đề nghị chúng tôi nên để bài học cho đến một ngày khác.

Đáp án: F

### Transcript:

Well, I wasn't worried when my son bought a computer. After all lots of children have parents who don't understand computers. But when my secretary asked me for a computer in the office, I really became worried. So I decided to take some lessons in computing and my son became my teacher. He's very helpful. He invited me to sit down in front of the computer screen which I did not know what to call it. When I asked him what it was, he said that it was VDU. I still didn't know what VDU was, but I was too shy to ask him any more. From that moment my memory refused to learn because he told me a lot of things that I really didn't understand at all. After a few lessons I began to feel tired. I made an excuse, saying that I was having a headache. I suggested we should leave the lesson until another day. Since then I haven't said anything about the computer to my son and my secretary.

### Dịch bài nghe:

*Ừm, tôi đã không lo lắng khi con trai tôi mua một cái máy vi tính. Sau khi tất cả những trẻ em có cha mẹ không hiểu về máy tính. Nhưng khi thư ký của tôi hỏi tôi về một chiếc máy tính trong văn phòng, tôi thực sự trở nên lo lắng. Vì vậy, tôi quyết định học một số bài học về máy tính và con trai tôi trở thành giáo viên của tôi. Thằng bé thật sự giúp ích cho tôi. Nó mời tôi ngồi xuống trước màn hình máy tính mà tôi không biết phải gọi nó là gì. Khi tôi hỏi nó là gì, nó nói đó là VDU. Tôi vẫn không biết VDU là gì, nhưng tôi quá ngại để hỏi nó thêm nữa. Từ lúc đó trí nhớ của tôi từ chối học vì thằng bé nói với tôi rất nhiều điều mà tôi thực sự không*

hiểu chút nào. Sau một vài bài học, tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi. Tôi đã tạo ra một cái cơ, nói rằng tôi đang bị đau đầu. Tôi đề nghị chúng tôi nên để bài học cho đến một ngày khác. Kể từ đó tôi đã không nói bất cứ điều gì về máy tính cho con trai tôi và thư ký của tôi.

### 7. B

**Kiến thức:** Phát âm “h”

**Giải thích:**

A. horn /hɔ:rn/

B. vehicle /'vi:əkl/

C. hippo /'hipəʊ/

D. habitat /'hæbitæt/

Phân gạch chân đáp án B là âm câm, còn lại phát âm là /h/

Chọn B

### 8. D

**Kiến thức:** Phát âm “om”

**Giải thích:**

A. computer /kəm'pjʊ:tər/

B. communication /kəmju:nɪ'keɪʃn/

C. command /kə'mænd/

D. complicated /'kɑ:mplɪkətɪd/

Phân gạch chân đáp án D phát âm là /ɑ:m/, còn lại là /əm/

Chọn D

### 9. A

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 4 âm tiết

**Giải thích:**

A. applicable /ə'plɪkəbl/

B. automation /ɔ:tə'meɪʃn/

C. artificial /ɑ:trɪ'fɪʃl/

D. evolution /evə'lu:ʃn/

**Quy tắc:**

- Hậu tố “-able” không làm thay đổi trọng âm từ gốc

- Những từ có tận cùng là đuôi “-ion”, “-ial” có trọng âm rơi vào âm tiết đứng ngay trước nó

Trọng âm đáp án A rơi vào âm tiết thứ hai, còn lại là âm thứ ba

Chọn A

### 10. B

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 2, 3 âm tiết

**Giải thích:**

A. workforce /'wɜ:rkfɔ:rs/

B. high-flyer /haɪ'flaɪər/

C. handshake /'hændʃeɪk/

D. headhunt /'hedhʌnt/

Trọng âm đáp án B rơi vào âm tiết thứ hai, còn lại là âm thứ nhất

Chọn B

### 11. C

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

reserves (n): khu dự trữ, bảo tồn

A. money reserves: tiền dự trữ

B. booking reservations: đặt phòng

C. protected areas: khu bảo tồn

D. emergency fund: quỹ khẩn cấp

=&gt; reserves (n) = protected areas: khu bảo tồn

**Tạm dịch:** Nhiều khu bảo tồn động vật hoang dã đã được thành lập ở đất nước này.

Chọn C

**12. C****Kiến thức:** Sự kết hợp từ**Giải thích:**

A. create (v): tạo nên, tạo ra

B. make (v): làm, chế tạo

C. perform (v): làm, thực hiện, biểu diễn, trình diễn

D. produce (v): sản xuất, chế tạo

=&gt; perform/ do/ carry out + experiment on sth: làm thí nghiệm trên đối tượng gì

**Tạm dịch:** Tôi không nghĩ mọi người nên được phép thực hiện thí nghiệm trên động vật.

Chọn C

**13. B****Kiến thức:** Sự kết hợp từ**Giải thích:**

A. arrive - arrived - arrived: đến, đi đến

B. come - came - come: đến, đi đến

C. get - got - got: có được, lấy được

D. reach - reached - reached: với tới, tiếp cận

=&gt; come to/ reach the conclusion that: đi đến kết luận rằng

**Tạm dịch:** Các nhà nghiên cứu đã đi đến kết luận rằng tính cách của bạn bị ảnh hưởng bởi gen của bạn.

Chọn B

**14. C****Kiến thức:** Cấu trúc với "have, get"**Giải thích:**

Dạng chủ động: to have sb do sth = to get sb to do sth: sai, khiến ai, bảo ai làm gì

Dạng bị động: to have/to get sth done = làm một việc gì bằng cách thuê người khác

**Tạm dịch:** Nhờ ứng dụng A.I., người dùng Internet có thể nhờ các trang web dịch sang một ngôn ngữ mới trong thời gian thực.

Chọn C

**15. D****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

A. employees (n): người làm thuê, công nhân

B. workers (n): người lao động, công nhân

C. staff (n): nhân viên

D. applicants (n): người xin việc

=> job applicants: người xin việc

**Tạm dịch:** Nhà tuyển dụng luôn muốn người xin việc có thể thể hiện các kỹ năng và phẩm chất của họ.

Chọn D

### 16. B

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. tedious (adj): chán ngắt, buồn tẻ, nhạt nhẽo      B. demanding (adj): đòi hỏi khắt khe  
C. rewarding (adj): bổ ích, thỏa mãn, đáng xem      D. fascinating (adj): hấp dẫn, lôi cuốn

**Tạm dịch:** Làm tiếp viên hàng không là một công việc đòi hỏi khắt khe. Bạn có thể phải làm việc nhiều giờ trên các chuyến bay đường dài và không ngủ đủ giấc.

Chọn B

### 17. A

**Kiến thức:** Sự kết hợp từ

**Giải thích:**

- A. make - made - made: chế tạo, sản xuất      B. give - gave - given: cho  
C. take - took - taken: cầm, lấy      D. do - did - done: làm, hành động

=> to be made redundant: bị mất việc

**Tạm dịch:** Khi nhà máy đóng cửa, hơn 100 người đã bị mất việc.

Chọn A

### 18. A

**Kiến thức:** Từ đồng nghĩa

**Giải thích:**

- ultimate (adj): cuối cùng, sau cùng  
A. utmost (adj): tốt bậc, cực điểm, cuối cùng      B. secondary (adj): thứ hai, thứ nhì, thứ cấp  
C. trivial (adj): tầm thường, không quan trọng      D. minimal (adj): rất nhỏ, tối thiểu

=> ultimate (adj) = utmost (adj): cuối cùng

**Tạm dịch:** Mục đích cuối cùng của việc học tập suốt đời là để cải thiện bản thân hoặc phát triển chuyên môn.

Chọn A

### 19. C

**Kiến thức:** Câu điều kiện hỗn hợp loại 2

**Giải thích:**

- Dấu hiệu: động từ mệnh đề if chia quá khứ đơn (had), mệnh đề chính có trạng từ chỉ thời gian ở quá khứ (last night – tối qua)
- Cách dùng: Câu điều kiện hỗn hợp loại 2 diễn tả giả định ngược với hiện tại (loại 2), dẫn đến kết quả với quá khứ (loại 3).
- Công thức: If + S + V(ed), S + would/ could + have + Ved/ V3.

**Tạm dịch:** Nếu tôi có một chiếc máy tính, thì tôi đã hoàn thành nhiệm vụ từ tối hôm qua rồi.

Chọn C

## 20. intervention

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

intervene (v): xen vào, can thiệp

intervention (n): sự xen vào, sự can thiệp

Dấu hiệu: sau tính từ “human” (thuộc con người) cần một danh từ

**Tạm dịch:** Máy móc thông minh cao có thể tự động để hoạt động mà không cần sự can thiệp của con người.

Đáp án: intervention

## 21. technologically

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

technology (n): kỹ thuật học, công nghệ học

technologically (adv): công nghệ học, kỹ thuật học, có tính chất kỹ thuật

Dấu hiệu: trước tính từ “advanced” (tiên tiến) cần một trạng từ

**Tạm dịch:** Nếu có người ngoài hành tinh ngoài kia, bạn có nghĩ rằng họ tiến bộ hơn về công nghệ so với chúng ta không?

Đáp án: technologically

## 22. Researchers

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

research (v): nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu

researcher (n): nhà nghiên cứu

Dấu hiệu:

- câu còn thiếu chủ ngữ nên vị trí cần điền là một danh từ

- động từ ở dạng số nhiều nên chủ ngữ phải là danh từ số nhiều

**Tạm dịch:** Các nhà nghiên cứu đã thông báo rằng một bước đột phá lớn đã được tạo ra.

Đáp án: Researchers

## 23. B

**Kiến thức:** Mệnh đề trạng ngữ

**Giải thích:**

By the time: vào lúc

Trong mệnh đề chứa trạng ngữ chỉ thời gian “by the time”, động từ không chia ở thì tương lai đơn

Sửa: we will => we

**Tạm dịch:** Cho đến khi chúng tôi đến, mọi người đã rời đi hết.



Chọn B

**24. A**

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

complain to sbd about sth: phàn nàn với ai về điều gì

Sửa: with => to

**Tạm dịch:** Anh ấy phàn nàn với bạn mình về điều kiện làm việc tồi tệ tại nhà máy đó.

Chọn A

**25. A**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

raise sth (v): làm thứ gì đó tăng thêm

rise (v): bản thân thứ đó tự tăng thêm

Sửa: raised => risen

**Tạm dịch:** Giá dầu và khí đốt đã tăng rất nhanh trong vài tháng qua đến nỗi một số người đi làm đã buộc phải thay đổi thói quen đi lại của họ.

Chọn A

**26. C**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. cost (n): giá, chi phí

B. value (n): giá trị, giá cả

C. worth (adj): đáng, xứng đáng

D. price (n): giá, giá mặc định

=> worth + Ving: đáng, xứng đáng

The reason it is (26) **worth** trying to answer is that schools and university clearly emphasise academic achievement

**Tạm dịch:** Lý do đáng để cố gắng trả lời câu hỏi này là các trường học và đại học nhấn mạnh rõ thành tích học tập

Chọn C

**27. A**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. qualifications (n): năng lực, văn bằng

B. skills (n): kỹ năng, kỹ xảo

C. qualities (n): chất lượng, phẩm chất

D. personalities (n): nhân phẩm, tính cách

The reason it is worth trying to answer is that schools and university clearly emphasise academic achievement, passing exams and gaining (27) **qualifications** much more than acquiring skills such as raising children or car maintenance.

**Tạm dịch:** Lý do đáng để cố gắng trả lời câu hỏi này là các trường học và đại học nhấn mạnh rõ thành tích học tập, vượt qua các kỳ thi và đạt được bằng cấp tốt hơn nhiều so với việc đạt được các kỹ năng như nuôi dạy trẻ em hoặc bảo dưỡng xe hơi.

Chọn A

### 28. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. actually (adv): thực sự, trên thực tế

B. factually (adv): đúng như sự thật

C. gradually (adv): dần dần, từ từ

D. virtually (adv): thực sự, một cách chính thức, hầu như

At school, what we are (28) **actually** learning is how to learn effectively.

**Tạm dịch:** Ở trường, những gì chúng ta thực sự đang học là làm thế nào để học tập hiệu quả.

Chọn A

### 29. D

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

deal with sth: giải quyết cái gì

The idea is that we can then make use of that ability later on in life when we come to deal (29) **with** more practical aspects of day-to-day living.

**Tạm dịch:** Quan niệm đó là chúng ta có thể sử dụng khả năng này vào cuộc sống khi chúng ta giải quyết các khía cạnh thực tế hơn của cuộc sống hàng ngày.

Chọn D

### 30. C

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. other + N(số nhiều): khác

B. another: cái khác (không nằm trong số lượng nào cả)

C. the other: cái còn lại (trong 2 cái)

D. others: những cái khác (không nằm trong số lượng nào cả)

Learning how to learn is one thing. Learning how to think is quite (30) **the other**.

**Tạm dịch:** Học cách học là một chuyện. Học cách suy nghĩ lại là một chuyện khác.

Chọn C

**Dịch bài đọc:**

### TÌM HIỂU CÁCH HỌC VÀ SUY NGHĨ

*Quan điểm của hệ thống giáo dục là gì? Mặc dù câu hỏi này thoạt nhìn có vẻ vô lý, nhưng thực ra nó không ngớ ngẩn như vẻ vậy đâu. Lý do đáng để cố gắng trả lời câu hỏi này là các trường học và đại học nhấn mạnh rõ thành tích học tập, vượt qua các kỳ thi và đạt được bằng cấp tốt hơn nhiều so với việc đạt được các kỹ năng*



như nuôi dạy trẻ em hoặc bảo dưỡng xe hơi. Nhưng tại sao vậy? Tại sao họ bỏ bê việc dạy các kỹ năng thực tế ở trường?

Một câu trả lời có thể là các trường học không tồn tại để giúp chúng ta có được kiến thức hữu ích về thế giới. Ở trường, những gì chúng ta thực sự đang học là làm thế nào để học hiệu quả. Quan niệm đó là, chúng ta có thể sử dụng khả năng này vào cuộc sống khi chúng ta giải quyết các khía cạnh thực tế hơn của cuộc sống hàng ngày.

Tuy nhiên, một số người cho rằng hệ thống (giáo dục) hiện tại trên thực tế là một sự thất bại bởi vì nó không thực sự dạy cho trẻ em cách trở thành những người có tư duy tốt. Học cách học là một chuyện. Học cách suy nghĩ lại là một chuyện khác.

### 31. B

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Nhà văn nói rằng nhiều tác giả tiểu thuyết giả tưởng sẽ không đồng ý rằng \_\_\_\_\_.

- A. họ đã sao chép ý tưởng của họ từ J. K. Rowling
- B. thành công của J. K. Rowling đã đóng góp cho riêng họ
- C. tiểu thuyết giả tưởng sẽ vẫn là một trong nhiều năm
- D. J. K. Rowling là một nhà văn của tiểu thuyết giả tưởng theo đúng nghĩa

**Thông tin:** J. K. Rowling may be responsible for the revival of fantasy fiction. But her contemporary rivals, many of whom have benefited from her success, seem reluctant to give her credit for starting a trend.

**Tạm dịch:** J. K. Rowling có thể chịu trách nhiệm cho sự hồi sinh của tiểu thuyết giả tưởng. Nhưng các đối thủ đương thời của bà, nhiều người trong số họ đã kiếm được tiền từ thành công của bà, dường như miễn cưỡng để tin rằng bà ấy giỏi trong việc bắt đầu một xu hướng.

Chọn B

### Question 32. C

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Taylor thừa nhận khía cạnh nào trong những cuốn sách Harry Potter là bất chước?

- A. phong cách viết
- B. cốt truyện
- C. bố cục
- D. thiết kế bìa

**Thông tin:** "I got a copy of Harry Potter, counted the number of words that were on the page, measured the width of the margin, counted the number of chapters in the book, how many pages were in the book and set my computer screen up so that it would have 468 words on the page. My chapters were the same length as the Harry Potter chapters; I thought, "This must be how you write the book."

**Tạm dịch:** "Tôi có một bản sao của Harry Potter, đếm số lượng từ trên trang, đo chiều rộng của lề, đếm số chương trong cuốn sách, có bao nhiêu trang trong cuốn sách và đặt màn hình máy tính của tôi lên nó sẽ có 468 từ trên trang. Các chương của tôi có cùng độ dài với các chương Harry Potter; tôi nghĩ, "Đây phải là cách bạn viết cuốn sách."

Chọn C

**33. D**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ "**that**" trong đoạn 4 đề cập đến điều gì?

- A. công thức Harry Potter  
 B. khán giả đích của tiểu thuyết  
 C. thời điểm xuất bản tiểu thuyết  
 D. tiểu thuyết không khiến mọi người suy nghĩ

**Thông tin:** The *Harry Potter* formula has its faults, of course. *Stephen King* was once asked what he thought of Rowling's novels. Were they thought-provoking? King thought not. But did **that** matter, he wondered

**Tạm dịch:** Đương nhiên, công thức Harry Potter có lỗi của nó. Stephen King đã từng được hỏi ông nghĩ gì về tiểu thuyết của Rowling. Có phải chúng đã kích thích tư duy? King nghĩ không phải. Nhưng điều có vấn đề không, ông tự hỏi

Chọn D

**34. D**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Taylor có ý kiến gì về bản thân?

- A. Ông rất tự hào về thành tích của mình như một nhà văn.  
 B. Ông nghĩ rằng ông ấy là một nhà văn tốt hơn J. K. Rowling.  
 C. Ông không coi mình là một tiểu thuyết gia nghiêm túc.  
 D. Ông cảm thấy mình xứng đáng được công nhận hơn.

**Thông tin:** *Shadowmancer* has been taken on by *Universal Pictures*, and Taylor does nothing to hide the fact that he thinks 'the movie's more exciting than the book'.

**Tạm dịch:** *Shadowmancer* đã được *Universal Pictures* đảm nhận, và Taylor không làm gì để che giấu sự thật rằng ông ấy nghĩ rằng 'bộ phim thú vị hơn cuốn sách'.

Chọn D

**35. D**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Chúng ta học được gì về những cuộc nói chuyện mà Taylor đưa ra?

- A. Ông ấy thích chúng hơn là một người quảng bá.  
 B. Ông ấy không thể làm chúng mà không chỉnh sửa kỹ lưỡng.  
 C. Ông ấy tìm thấy chúng dễ dàng hơn viết.  
 D. Ông ấy thích gây sốc cho mọi người.

**Thông tin:**

As a storyteller, in order to demonstrate shock or alarm to an audience he will "pause between sentences and showed a wide-eyed, staring face. But to describe that in English ...'

in *Tersia*, Taylor's new fantasy, the speed of the narrative and the scale of the events that overwhelm the characters mean **there is no time for the story to get bogged down**

**Tạm dịch:**

Là một người kể chuyện, để thể hiện sự sốc hoặc báo động với khán giả, ông ấy sẽ "tạm dừng giữa các câu và thể hiện mắt mở to, khuôn mặt nhìn chăm chăm. Nhưng để mô tả điều đó bằng tiếng Anh ...'

trong *Tersia*, tưởng tượng mới của Taylor, tốc độ của câu chuyện và quy mô của các sự kiện áp đảo các nhân vật có nghĩa là không có thời gian để câu chuyện bị sa lầy

Chọn D

**36. C**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Nhà văn có ý gì khi viết **there is no time for the story to get bogged down** (đoạn cuối)?

there is no time for the story to get bogged down: không có thời gian để câu chuyện bị sa lầy

- A. Câu chuyện thay đổi quá nhanh.
- B. Cốt truyện không bao giờ bị ngăn cản phát triển.
- C. Cảm xúc không được xử lý một cách chi tiết.
- D. Câu chuyện không phải lúc nào cũng thú vị như nó có thể.

**Thông tin:** This impatience with the limitation of language can be a positive asset: in *Tersia*, Taylor's new fantasy, the speed of the narrative and the scale of the events that overwhelm the characters mean **there is no time for the story to get bogged down**. That said, it is unusual to hear a writer speak in such a dismissive way of his craft.

**Tạm dịch:** Sự thiếu kiên nhẫn với giới hạn của ngôn ngữ có thể là một tài sản tích cực: trong *Tersia*, tưởng tượng mới của Taylor, tốc độ của câu chuyện và quy mô của các sự kiện áp đảo các nhân vật có nghĩa là không có thời gian để câu chuyện bị sa lầy. Điều đó nói rằng, thật bất thường khi nghe một nhà văn nói theo cách xua đuổi thủ công như vậy.

Chọn C

**Dịch bài đọc:**

#### NGƯỜI VIẾT CỦA G.P TAYLOR

*J. K. Rowling có thể chịu trách nhiệm cho sự hồi sinh của tiểu thuyết giả tưởng. Nhưng các đối thủ đương thời của bà, nhiều người trong số họ đã kiếm được tiền từ thành công của bà, dường như miễn cưỡng để tin rằng bà ấy giỏi trong việc bắt đầu một xu hướng. Ví dụ, Philip Pullman chỉ ra rằng 'Ánh sáng phương Bắc', tập đầu tiên trong bộ ba 'Vật chất tối của Ngài' của ông, đã được xuất bản một năm trước khi cuộc phiêu lưu của Harry Potter bắt đầu. Vì vậy, nó đến như một bất ngờ khi G.P. Taylor thừa nhận rằng ông ấy chỉ viết một cuốn tiểu thuyết vì sự nổi tiếng to lớn của Harry Potter.*

Taylor là cha xứ Yorkshire, người đã bán chiếc xe máy của mình để tự xuất bản 2.000 bản tiểu thuyết đầu tiên của mình, *Shadowmancer*, một cuốn sách sau đó được nhà xuất bản Faber chọn và xuất bản trong danh sách bán chạy nhất của *New York Times*. Tiểu thuyết của ông gọi lên những thế giới tối tăm, lạnh lẽo trong đó siêu nhiên đe dọa chiếm lấy, tuy nhiên ông mô tả cuộc đời của mình như một nhà văn bằng những thuật ngữ đơn giản. Ví dụ, ông ấy có thể xác định chính xác ngày ông ấy trở thành một tiểu thuyết gia: ngày 21 tháng 3 năm 2002. 'Đó là một trong những khoảnh khắc có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong cuộc đời tôi. Harry Potter đã trở nên rất phổ biến. Và tôi nghĩ "Người phụ nữ này đã viết một cuốn sách. Tôi có thể viết một cuốn sách."

"Tôi có một bản sao của Harry Potter, đếm số lượng từ trên trang, đo chiều rộng của lề, đếm số chương trong cuốn sách, có bao nhiêu trang trong cuốn sách và đặt màn hình máy tính của tôi lên nó sẽ có 468 từ trên trang. Các chương của tôi có cùng độ dài với các chương Harry Potter; tôi nghĩ, "Đây phải là cách bạn viết cuốn sách."

Đương nhiên, công thức Harry Potter có lỗi của nó. Stephen King đã từng được hỏi ông nghĩ gì về tiểu thuyết của Rowling. Có phải chúng đã kích thích tư duy? King nghĩ không phải. Nhưng điều có vấn đề không, ông tự hỏi, trong một "cuộc phiêu lưu giả tưởng chủ yếu nhắm vào trẻ em và được xuất bản ở giữa kỳ nghỉ hè"?

Kết luận của ông rõ ràng là: 'Tất nhiên là không. Những gì trẻ em trong kỳ nghỉ hè muốn - và có lẽ xứng đáng - là niềm vui đơn giản, không phức tạp. 'Shadowmancer là một tưởng tượng đơn giản và không phức tạp - và Taylor, người phê bình hiệu quả nhất của chính mình, đưa ra một vài tuyên bố tiếp theo cho cuốn tiểu thuyết. 'Đó là một câu chuyện tuyệt vời, nhưng nếu tôi viết nó bây giờ, nó sẽ là một cuốn sách hoàn toàn khác. Theo nhiều cách, đó là một tác phẩm kinh điển vụng về. Có rất nhiều thứ trong đó tôi sẽ loại bỏ. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng nó là sự hấp dẫn to lớn. Đó là bởi vì đó là một câu chuyện phiêu lưu đáng kinh ngạc, được viết bởi một người không phải là nhà văn, chỉ là một người kể chuyện.'

Taylor trở lại với sự khác biệt giữa việc viết và kể chuyện rất nhiều lần, cách xa bản thân khỏi những ý tưởng vĩ đại và cao cả về mục đích của nhà tiểu thuyết. Ông ấy tự mô tả mình là một 'đứa trẻ ngay thẳng ở nhà hội đồng không được giáo dục', người đã chạy trốn đến Luân Đôn khi còn là một thiếu niên, 'một chút của người cơ hội, với những ý tưởng trên địa vị của ông ta'. Ông đọc tác phẩm của Dickens, rất nhiều của Orwell - 'chúng là những cuốn sách xu hướng để đọc' - và của Kerouac. Nhưng ông không thoải mái khi nói ở bất kỳ thời gian nào về tiểu thuyết yêu thích hoặc ảnh hưởng ngoài Rowling: 'Tôi chưa đọc hết những cuốn sách đó. Bạn biết đấy, tôi không phải là một người hay chữ.'

Taylor là một nhà quảng bá nhạc rock ở tuổi đôi mươi và vẫn là một người biểu diễn, hạnh phúc nhất trước đám đông. Ông giải mã các cuộc nói chuyện mà ông ấy đưa ra trong các trường học và tại các lễ hội sách, mặc trang phục như một thuyền trưởng trên biển hoặc như một người đi đường thế kỷ 18 trong một chiếc áo khoác dài màu đen. 'Bạn đang sử dụng khuôn mặt của bạn, bạn đang sử dụng cơ thể của bạn, bạn đang thể hiện ra cảm xúc của những gì bạn đang làm.' Việc đặt suy nghĩ của mình trong tác phẩm có thể là vấn đề so sánh. Là một người kể chuyện, để thể hiện sự sốc hoặc báo động với khán giả, ông ấy sẽ "tạm dừng giữa các câu và thể hiện mắt mở to, khuôn mặt nhìn chăm chăm. Nhưng để mô tả điều đó bằng tiếng Anh ...'



Sự thiếu kiên nhẫn với giới hạn của ngôn ngữ có thể là một tài sản tích cực: trong *Tersia*, tưởng tượng mới của Taylor, tốc độ của câu chuyện và quy mô của các sự kiện áp đảo các nhân vật có nghĩa là không có thời gian để câu chuyện bị sa lầy. Điều đó nói rằng, thật bất thường khi nghe một nhà văn nói theo cách xưa đỗi thủ công như vậy. *Shadowmancer* đã được Universal Pictures đảm nhận, và Taylor không làm gì để che giấu sự thật rằng ông ấy nghĩ rằng 'bộ phim thú vị hơn cuốn sách'.

37.

**Kiến thức:** Cấu trúc với “so ... that ...”

**Giải thích:** S + be + so + adj + that S + V: Ai đó ... quá ... đến nỗi mà...

**Tạm dịch:** Giọng cô rất nhẹ nhàng. Mọi người thích cô ấy.

= Giọng cô ấy nhẹ nhàng đến nỗi mà mọi người đều thích cô ấy.

Đáp án: Her voice is so soft that everyone likes her.

38.

**Kiến thức:** Câu điều kiện hỗn hợp loại 1

**Giải thích:**

- Cách dùng: Câu điều kiện hỗn hợp loại 1 diễn tả giả định ngược với quá khứ (loại 3) dẫn đến kết quả ở hiện tại (loại 2).

- Công thức: If + S + had (not) Ved/ V3, S + would/ could (not) + V (+ now)

**Tạm dịch:** James đã trúng xổ số, vì vậy bây giờ anh ấy không cần một công việc.

= Nếu James không trúng xổ số, thì bây giờ anh ấy sẽ cần một công việc.

Đáp án: James hadn't won the lottery, he would need a job now.

39.

**Kiến thức:** Câu tường thuật

**Giải thích:**

Câu trực tiếp: “If you wanted to + V<sub>1</sub>, you should have V<sub>2ed</sub>/ V<sub>23</sub>,” S<sub>1</sub> said to S<sub>2</sub>.

Câu gián tiếp: S<sub>1</sub> criticized S<sub>2</sub> for V\_ing: Ai đó chỉ trích vì ...

without + V\_ing: không làm gì

**Tạm dịch:** “Nếu anh muốn đi xe đạp của em, anh đáng lẽ nên hỏi em trước”, Mike nói với anh trai mình.

= Mike chỉ trích anh trai mình vì đã lấy xe đạp mà không hỏi anh ta trước.

Đáp án: his brother for taking his bike without asking him first.

40.

**Kiến thức:** So sánh kép

**Giải thích:**

Công thức: The + more adj/ adj-er + S<sub>1</sub> + V<sub>1</sub>, the + more adj/ adj-er + S<sub>2</sub> + V<sub>2</sub>: càng... càng

big => bigger

high => higher

**Tạm dịch:** Căn hộ lớn. Giá thuê cao.

= Căn hộ càng lớn thì tiền thuê càng cao.

Đáp án: the apartment is, the higher the rent is.

----- **HẾT** -----